

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 12-3-2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt;

Ông Võ Văn Hoa Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 566/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số I L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc);

- Anh Lê Thanh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1991/2025/UQ-SVN, ngày 15-02-2025) có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16 tháng 11 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Ngày 18/05/2021 chị Nguyễn Thị Mỹ L có ký hợp đồng cầm cố với Công ty Cổ phần S Có Ngay 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu đỏ nâu, biển số 70K1-589.20, số máy JF86E0370500, số khung 5826KY112618, do Công an huyện T cấp ngày 07-01-2020, số tiền cầm cố 19.000.000 đồng, lãi suất cầm cố là 1,1%/tháng, thời hạn cầm cố 12 tháng, phương thức thanh toán định kỳ hàng tháng số tiền 2.216.830,56 đồng. Sau khi ký hợp đồng cầm cố chị L có đơn xin mượn lại xe mô tô trên để sử dụng thời hạn 01 tháng, từ ngày 18-5-2021 đến ngày 18-6-2021 trả lại.

Từ khi nhận tiền cầm cố đến ngày 18-11-2021 chị L đã thanh toán cho Công ty được 06 kỳ, tổng số tiền 16.860.000 đồng, trong đó 15.089.963 đồng tiền gốc, 879.682 đồng tiền lãi trong hạn, 890.353 đồng tiền lãi quá hạn, sau đó không thanh toán nữa cho đến nay.

Đến ngày 27-02-2025 chị L còn nợ Công ty số tiền gốc 3.910.037 đồng, tiền lãi trong hạn 1.720.416 đồng, tiền lãi quá hạn 860.208 đồng. Tổng cộng 6.490.661 đồng.

Do đó, nay Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho Công ty số tiền nêu trên. Trường hợp chị L không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Công ty có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu đỏ nâu, biển số 70K1-589.20, số máy JF86E0370500, số khung 5826KY112618, do Công an huyện T cấp ngày 07-01-2020 để thu hồi nợ. Đối với số tiền phí quản lý hồ sơ Công ty xin rút lại, không yêu cầu chị L phải trả số tiền 20.357.621 đồng.

Từ khi chị L mượn lại xe đến nay chị L không trả lại cho Công ty và hiện nay, Công ty cũng không biết xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu đỏ nâu, biển số 70K1-589.20 do ai quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ L đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Lê Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Mỹ L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử

tiến hành xử vắng mặt anh T, chị L là phù hợp theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì chị Nguyễn Thị Mỹ L có ký hợp đồng cầm cố tài sản với Công ty Cổ phần S Có Ngay và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ theo hợp đồng nên Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu chị L phải trả số tiền nợ gốc 3.910.037 đồng, tiền lãi trong hạn 1.720.416 đồng, tiền lãi quá hạn 860.208 đồng. Tổng cộng 6.490.661 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 309, 310, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với chị Nguyễn Thị Mỹ L về tranh chấp hợp đồng cầm cố. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ gốc 3.910.037 đồng, tiền lãi trong hạn 1.720.416 đồng, tiền lãi quá hạn 860.208 đồng. Tổng cộng 6.490.661 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng, tiền phí theo quy định.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Nguyễn Thị Mỹ L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị L.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy, khi nộp đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty Cổ phần S Có Ngay cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: 01 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; 01 Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh; 01 Phiếu chi; 01 Phiếu đăng ký, kiêm hợp đồng cầm cố; 01 Giấy mượn xe; 01 Bản thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (tất cả đều phôi tô có sao y); chị L không cung cấp chứng cứ. Các chứng cứ nêu trên đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho các đương sự trong vụ án biết nhưng không có đương sự nào có ý kiến phản đối nên căn cứ các Điều 91, 92, 93 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là nguồn chứng cứ dùng để giải quyết vụ án.

[2.1] Xét Hợp đồng cầm cố số T2M210501010NA20X, ngày 18-5-2021, giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị Nguyễn Thị Mỹ L đã ký kết có quy định về số tiền vay là 19.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất trong hạn cùng các loại phí khác và phạt vi phạm hợp đồng được các bên thỏa thuận. Khi ký kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật cả về nội dung và hình thức hợp đồng nên căn cứ vào các Điều 309, 310, 398, 401 của Bộ luật Dân sự, công nhận hợp đồng cầm cố nêu trên giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị L là hợp pháp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với số tiền cho vay theo hợp đồng cầm cố nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo Hợp đồng cầm cố số T2M210501010NA20X, ngày 18-5-2021 thì hình thức trả nợ gốc cùng tiền lãi từng lần (hàng tháng), số tiền 2.216.830,56 đồng, vào ngày 18 hàng tháng. Tuy nhiên, chị L chỉ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay đến ngày 18-11-2021 được 06 kỳ, số tiền 16.860.000 đồng và sau đó không tiếp tục thanh toán nữa đến nay. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định chị L đã vi phạm các điều, khoản về nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng cầm cố đã ký. Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu chị L thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi quá hạn và các khoản phí, còn nợ đến ngày 27-02-2025 tổng cộng 6.490.661 đồng theo Hợp đồng cầm cố đã ký kết là có căn cứ, phù hợp với các Điều 309, 310, 468 của Bộ luật Dân sự.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án Công ty Cổ phần S Có Ngay tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu chị L trả số tiền 6.490.661 đồng, không tiếp tục yêu cầu chị L phải có nghĩa vụ trả số tiền 20.357.621 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét thấy, để đảm bảo cho số tiền vay gốc 19.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Mỹ L có cầm cố 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu đỏ nâu, biển số 70K1-589.20, số máy JF86E0370500, số khung 5826KY112618, do Công an huyện T cấp ngày 07-01-2020 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe **mô tô số** 043027. Khi thực hiện cầm cố tài sản giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị L có lập văn bản cầm cố, chị L đã giao tài sản cho Công ty Cổ phần S Có Ngay và Công ty Cổ phần S Có Ngay cũng đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định tại Nghị định 21/2021/NĐ-CP, ngày 19-3-2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do đó giao dịch cầm cố tài sản giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận

[5] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị Nguyễn Thị Mỹ L về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài

sản. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền nợ gốc còn nợ đến ngày 27-02-2025 là 3.910.037 đồng, tiền lãi trong hạn 1.720.416 đồng, tiền lãi quá hạn 860.208 đồng. Tổng cộng 6.490.661 (sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một) đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền mà yêu cầu của Công ty Cổ phần S Có Ngay được Tòa án chấp nhận, theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309, 310, 311 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị Nguyễn Thị Mỹ L về tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản. Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tiền nợ gốc còn nợ đến ngày 27-02-2025 là 3.910.037 đồng, tiền lãi trong hạn 1.720.416 đồng, tiền lãi quá hạn 860.208 đồng. Tổng cộng 6.490.661 (sáu triệu, bốn trăm chín mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 27-02-2025 cho đến khi thi hành án xong, chị Nguyễn Thị Mỹ L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản tiền còn phải thi hành án. Trường hợp trong hợp đồng cầm cố, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty Cổ phần S Có Ngay cho vay thì lãi suất mà chị L vay phải tiếp tục thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Công ty Cổ phần S Có Ngay cho vay.

Hợp đồng cầm cố số T2M210501010NA20X, ngày 18-5-2021, giữa Công ty Cổ phần S Có Ngay với chị Nguyễn Thị Mỹ L vẫn có hiệu lực pháp luật. Trường hợp chị L không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay thì Công ty Cổ phần S Có Ngay có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Vison, màu đỏ nâu, biển số 70K1-589.20, số máy JF86E0370500, số khung 5826KY112618, do Công an huyện T cấp ngày 07-01-

2020 cho chị Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe **mô tô số 043027** để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mỹ L phải chịu 325.000 (ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay 671.000 (sáu trăm, bảy mươi một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006921 ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần S Có Ngay, chị Nguyễn Thị Mỹ L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc